

Bản án số: 148/2026/DS-PT

Ngày: 25/3/2026

V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản,  
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử  
dụng đất

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Hằng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Sơn – Ông Nguyễn Thuận Lợi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hà Phương My - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang** tham gia phiên tòa:  
Ông Phạm Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 03 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc về việc “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 22 tháng 07 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 527/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1966.

Trú tại: Tổ A, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang nay là khóm T, xã P, tỉnh An Giang.

CMND 350896449 ngày 12/09/2005 nơi cấp Giám đốc Công An tỉnh A.

Người bảo vệ quyền lợi ích cho bà T: Ông Nguyễn Thành T1 là Luật Sư Công ty L3 – Đoàn Luật sư T4.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước Minh T2, sinh năm 1972.

Trú tại: số B, tổ A, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang nay là khóm T, xã P, tỉnh An Giang.

CMND 351010450 ngày 21/02/2005 nơi cấp Giám đốc Công An tỉnh A.

**-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lương Thị Đ, sinh năm 1974.

Trú tại: tổ A, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang(vợ ông T2) nay là khóm T, xã P, tỉnh An Giang.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948.

Trú tại: khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang nay là khóm T, xã P, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền lợi ích cho bà H: Ông Nguyễn Thành T1 là Luật Sư Công ty L3 – Đoàn Luật sư T4.

3. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1950(chết năm 2018).

*Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông M.*

3.1 Bà Trịnh Thị Kim P, sinh năm 1955

Nguyễn Minh Phượng V, sinh năm 1973

3.2 Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1975

3.4 Nguyễn Minh B, sinh năm 1977

3.5 Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1981

Cùng trú tại: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang nay là ấp H, xã P, tỉnh An Giang.

4. Bà Nguyễn Thị Â, sinh năm 1955.

Trú tại: khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang nay là khóm T, xã P, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền lợi ích cho bà Â: Ông Nguyễn Thành T1 là Luật Sư Công ty L3 – Đoàn Luật sư T4.

5. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958(chết năm 2015).

Trú tại: số C, tổ A, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang nay là khóm T, xã P, tỉnh An Giang.

6. Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1970.

Trú tại: số C, tổ A, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang nay là khóm T, xã P, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền lợi ích cho bà L: Ông Nguyễn Thành T1 là Luật Sư Công ty L3 – Đoàn Luật sư T4.

7. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952 (chết năm 2012)

Trú tại: khóm M, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang nay là khóm M, xã P, tỉnh An Giang.

8. Bà Lê Thị M1, sinh năm 1973 – ông Nguyễn Thanh D1 (chết năm 2013).

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D1.*

8.1 Bà Nguyễn Thị B1(mẹ ông D1)

Địa chỉ cư trú cuối cùng: khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang nay là khóm T, xã P, tỉnh An Giang.

8.2 Bà Lê Thị M1, sinh năm 1973(vợ ông D1).

8.3 Chị Nguyễn Thị Trúc L1, sinh năm 1990 (con bà M1, ông D1)

8.4 Ông Trần Tuấn E, sinh năm 1991 (con rể ông D1)

8.5 Cháu Nguyễn Hoàng Gia B2, sinh năm 2015 do bà L1, ông Tuấn E là người đại diện theo pháp luật.

HKTT: Khóm M, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

Hiện trú tại: tổ A, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang nay là khóm T, xã P, tỉnh An Giang.

9. Anh Nguyễn Nhật Q, sinh năm 1998 (con ông T2)

10. Chị Nguyễn Hoàng Kim N1, sinh năm 2008 (con ông T2)

Cùng trú tại: tổ A, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang nay là khóm T, xã P, tỉnh An Giang.

*Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Â, bà Nguyễn Thị Thùy L, bà Nguyễn Thị Bạch T, bà Nguyễn Thị H.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông M: Bà Trịnh Thị Kim P, ông Nguyễn Minh Phụng V, bà Nguyễn Thị Thanh T3, ông Nguyễn Minh B, ông Nguyễn Thanh P1

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

*Theo các đơn khởi kiện quá trình tố tụng và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày:*

Nguyên cha là ông Nguyễn Văn S, mẹ là Đặng Thị M2 chung sống với nhau và được bà ngoại là Trần Thị C cho số đất vườn tạp có diện tích là 3.528,5m<sup>2</sup> tọa lạc ấp T thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang(nay là khóm T, xã P, tỉnh An Giang). Phần đất này sau khi ông S chết thì bà M2 quản lý sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 02/11/1999, bà M2 làm di chúc và thuận phân, diện tích đất chia làm 08 phần cho tất cả 08 anh chị em, mỗi người 01 phần bằng nhau. Di chúc được Ủy ban nhân dân thị trấn P xác nhận.

Năm 2002 bà M2 chết không để lại di chúc nào nên ngoài di chúc lập ngày 02/11/1999 thì không còn di chúc nào khác và phát sinh hiệu lực nhưng khi bà T cùng các anh chị em đi khai nhận di sản thừa kế theo di chúc thì đưa em út là ông Nguyễn Phước Minh T2 không đồng ý theo nội dung di chúc nên phát sinh tranh chấp. Sự việc được Ủy ban nhân dân thị trấn P hoà giải nhưng không thành. Từ những nội dung trên bà T yêu cầu chia tài sản chung do cha mẹ để lại đối với phần

đất có diện tích là 3.528,5m<sup>2</sup> tọa lạc thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang(nay là xã P, tỉnh An Giang).

*Bị đơn ông Nguyễn Phước Minh T2 trình bày:*

Thống nhất tài sản cha mẹ để lại là 3.528,5m<sup>2</sup> do mẹ bà Đặng Thị M2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **01999QSĐĐ/bc ngày 22/9/2004** đất tọa lạc tại khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang(nay là khóm T, xã P, tỉnh An Giang). Diện tích đất gồm hai thửa, thửa số 24 và thửa số 12, tờ bản đồ số 05 diện tích 981,7m<sup>2</sup> và thửa số 24, tờ bản đồ số 14 diện tích 2.514,4m<sup>2</sup>. Tôi Nguyễn Phước Minh T2 không đồng ý chia theo yêu cầu bà T và các đồng nguyên đơn. Vì tài sản của cha mẹ ông S, bà M2 để lại ngoài tài sản đó còn có tài sản khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lương Thị Đ trình bày: Bà là vợ của ông T2, ý kiến ông T2 như thế nào thì ý kiến bà như thế.

*\*Anh Nguyễn Nhật Q, chị Nguyễn Hoàng Kim N1 trình bày:* Chúng tôi là con của ông Nguyễn Phước Minh T2, bà Lương Thị Đ chúng tôi được Toà án xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, thống nhất ý kiến của ông T2 như thế nào thì ý kiến chúng tôi như thế.

*Đơn yêu cầu ngày 01/02/2016, Bà Lê Thị M1, bà Nguyễn Thị Trúc L1, ông Trần Tuấn E, bà Nguyễn Thị B1 và cháu Nguyễn Hoàng Gia B2(con bà L1, ông Tuấn E) do bà L1, ông Tuấn E đại diện theo pháp luật trình bày:*

Chúng tôi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế giữa các đồng nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Bạch T làm đại diện và bị đơn ông Nguyễn Phước Minh T2. Ngày 15/7/2001 vợ chồng bà M1, ông D1(đã chết năm 2013) có nhận chuyển nhượng của bà Đặng Thị M2 ngụ cùng ấp diện tích chiều ngang 6m, dài 45m tọa lạc ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang nay là khóm T, xã P, tỉnh An Giang với giá 6.000.000 đồng, khi nhận chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay mua bán đất, có chữ ký xác nhận của bà M2 và các con bà(thời điểm mua bán chồng bà M2 đã chết), sau khi lập giấy tay mua bán và nhận đủ số tiền 6.000.000 đồng, gia đình bà M2 đã giao đất cho vợ chồng bà xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên đất và sử dụng ổn định từ khi mua cho đến nay. Trong thời gian chờ bà M2 lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất thì bà M2 chết, sau khi bà M2 qua đời thì các con bà M2 tranh chấp trong đó có phần đất của bà M1 chưa được chuyển quyền. Việc tranh chấp giữa hai bên như thế nào thì chúng tôi không rõ, không có ý kiến. Ngày 01/02/2016 bà Lê Thị M1 có đơn yêu cầu độc lập là buộc các đồng thừa kế của bà Đặng Thị M2 thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích có chiều ngang 6m, dài 45m tọa lạc tại khóm T, xã P, tỉnh An Giang. Do lúc mua bán giữa bà M1 với bà M2 không đo đạc và làm giấy tay nên không biết rõ diện tích đất cụ thể là bao nhiêu, theo sơ đồ hiện trạng khu đất được văn phòng đăng ký đất thể hiện thì diện tích cụ thể hiện trạng nhà của chúng tôi là 194,3m<sup>2</sup> thì chúng tôi thống nhất yêu cầu công nhận diện tích theo sơ đồ hiện trạng khu đất của chúng tôi đang sử dụng. Phần thiếu

theo giấy tay mua bán chúng tôi không yêu cầu. Hiện tại ông D1 đã chết thì vợ con ông D1 là bà Lê Thị M1, mẹ đẻ bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị Trúc L1, con rể là ông Trần Tuấn E và cháu Nguyễn Hoàng Gia B2. Ngoài những người kể trên thì ông D1 không còn vợ, con đẻ, con riêng nào khác và xin được vắng mặt cho đến khi vụ án được xét xử xong.

*Bản ý kiến bà Trịnh Thị Kim P, Nguyễn Minh Phương V, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Minh B, Nguyễn Thanh P1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M trình bày:* Chúng tôi là vợ và con của ông Nguyễn Văn M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp thừa kế giữa bà Nguyễn Thị Bạch T với ông Nguyễn Phước Minh T2, chúng tôi thống nhất uỷ quyền giao phần thừa kế của ông Nguyễn Văn M cho bà Nguyễn Thị Bạch T tranh chấp thừa kế với ông T2, nếu gia đình tôi sau này không sử dụng sẽ giao quyền quản lý sử dụng cho bà T thôi lại cho chúng tôi phần giá trị bằng tiền theo định giá của Toà án. Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng của bà M2 đã bán cho bà M1, ông D1 theo hiện trạng thực tế và xin được vắng mặt toàn bộ cho đến khi vụ án xét xử xong.

*Bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Á và bà Nguyễn Thị Thùy L do bà Nguyễn Thị Bạch T đại diện trình bày:*

Bà H, bà Á, bà Thùy L thống nhất việc chia di sản thừa kế theo pháp luật theo sơ đồ hiện trạng phần đất tranh chấp mà Toà án yêu cầu đo vẽ, bà H, Á và bà Thùy L thống nhất giao phần thừa kế được hưởng cho bà T hoàn giá trị lại cho các bà.

Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà M2 đã bán cho bà M1, ông D1 thống nhất tiếp tục thực hiện theo yêu cầu bà M1, yêu cầu Toà án công nhận việc chuyển nhượng này vì thực tế bà M2 có chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông D1 bà M1, vợ chồng ông D1, bà M1 đã cất nhà kiên cố, đồng ý thực hiện hợp đồng chuyển nhượng theo hiện trạng thực tế bà M1 đang sử dụng.

### *Tại phiên tòa*

Đại diện uỷ quyền bà T và bị đơn ông T2 thống nhất di sản bà M2 còn lại là 3.062,4 m<sup>2</sup>, tổng giá trị là 1.320.000.000 đồng chia đều cho 06 anh chị em, bị đơn ông T2 đồng ý nhận hiện vật hoàn lại giá trị cho các thừa kế còn lại là 1.100.000.000 đồng, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà M1 và các con theo hiện trạng đo đạc cụ thể của văn phòng đăng ký đất.

- Đại diện uỷ quyền bà T trình bày thêm: Đối với căn nhà tiền chế do ông L2 (anh vợ ông T2) cất theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 12/8/2022 thể hiện tại các điểm 13, 14, 15, 16, 19 có diện tích 25,2m<sup>2</sup> không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này. Theo sơ đồ hiện trạng khu đất tại thửa 24 có lấn qua đất của thửa 02 và thửa số 01 bà đồng ý trả lại đất nếu chủ sở hữu có yêu cầu khởi kiện trong vụ án dân sự khác. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá, đo đạc và án phí bà tự nguyện chịu cho các đồng thừa kế, không yêu cầu hoàn lại.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 tuyên xử:*

Căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1, 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 129, 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn L2 yêu cầu di dời mái che có diện tích 25,2m<sup>2</sup>.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Lê Thị M1, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị Trúc L1 đối với bà Đặng Thị M2 về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M1, bà Nguyễn Thị B1 và bà Nguyễn Thị Trúc L1 đối với đất ở có diện tích 75,7m<sup>2</sup>.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị M2 và bà Lê Thị M1 lập ngày 15/7/2001 đối với diện tích 194,3m<sup>2</sup> đất ở. Bà Lê Thị M1, Nguyễn Thị B1 và bà Nguyễn Thị Trúc L1 được quyền sử dụng 194,3m<sup>2</sup> đất tọa lạc thị trấn P, huyện P(nay là xã P) tỉnh An Giang thuộc thửa 12 tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số 01999QSĐĐ/bC do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 22/9/2004 cho bà Đặng Thị M2 đứng tên.

Bà Lê Thị M1, Nguyễn Thị B1 và bà Nguyễn Thị Trúc L1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên đối với những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. Đối với các khoản tiền thuế và chi phí phát sinh điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sẽ do bà Lê Thị M1 chịu trách nhiệm nộp

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc chia thừa kế tài sản của bà Đặng Thị M2.

Xác định di sản thừa kế của bà Đặng Thị M2 là 3.062,4m<sup>2</sup> đất ở và đất cây lâu năm tờ bản đồ số 05 thửa số 12 diện tích 787,4m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 14 thửa số 24 diện tích 2.275 m<sup>2</sup> cùng tọa lạc thị trấn P, huyện P, An Giang(nay là xã P, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01999QSĐĐ0/bc ngày 22/9/2004 do bà Đặng Thị M2 đứng tên. tổng trị giá: 1.320.000.000đồng. Di sản bà M2 được chia làm 06 kỹ phần, mỗi kỹ phần được 220.000.000đồng.

Phân chia di sản thừa kế như sau:

Giao ông Nguyễn Phước Minh T2 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 3.062,4m<sup>2</sup> đất ở và đất cây lâu năm của thửa 12 gồm các điểm 23, 24, 21, 22(trừ phần diện tích 194,3 m<sup>2</sup> đã chuyển nhượng cho bà M1 tại các điểm 7, 8, 9, 20) theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 12/8/2022 và thửa 24 gồm các điểm 7, 44, 8,

43, 38, 39, 16, 15, 32, 33(trừ phần diện tích 11, 9m<sup>2</sup> phần mộ bà Hồ Thị N2 tại các điểm 9, 10, 11, 59) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ1 chi nhánh P3 lập ngày 10/9/2015.

*(Các điểm giới hạn diện tích nêu trên được thể hiện tại Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ1 chi nhánh P3 lập ngày 10/9/2015 và ngày 12/8/2022 ).*

Bà Nguyễn Thị Bạch T có nghĩa vụ giao lại lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01999 QSDĐ/bC do UBND huyện P cấp ngày 22/09/2004 do bà Đặng Thị M2 đứng tên để ông Nguyễn Phước Minh T2 liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh biến động của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật; Đối với các khoản tiền thuế và chi phí phát sinh điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sẽ do ông Nguyễn Phước Minh T2 chịu trách nhiệm nộp

Ông Nguyễn Phước Minh T2 có nghĩa vụ hoàn lại kỹ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Bạch T, bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Thùy L mỗi người nhận số tiền 220.000.000đồng. Đối với người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông M là bà Trịnh Thị Kim P, Nguyễn Minh Phước V, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Minh B, Nguyễn Thanh P1 mỗi người nhận số tiền 44.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự kháng cáo nội dung:*

- Bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị Thùy L, bà Nguyễn Thị Bạch T, bà Nguyễn Thị H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế của mẹ là bà Đặng Thị M2 theo giá thị trường tại thời điểm xét xử hoặc tách thừa chia hiện vật theo kỹ phần thừa kế đối với diện tích 3.062,4m<sup>2</sup> đất ở và cây lâu năm của thửa 12 (trừ phần diện tích 194.3 m<sup>2</sup> đã chuyển nhượng cho bà M1 tại các điểm 7,8,9,20) theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 12/8/2022 và thửa đất 24 (trừ phần diện tích 11,9m<sup>2</sup> phần mộ bà Hồ Thị N2 tại các điểm 9,10,11,59) theo sơ đồ hiện trạng Khu đất của văn phòng Đ1 chi nhánh P3 lập ngày 10/9/2015.

Các chị em bà H, bà Á, bà L, bà T có nguyện vọng nhận đất để làm hương quả (do có nhiều mộ của ông bà, cha mẹ, chị em trên đất) và đồng ý gộp 04/06 kỹ phần thừa kế để đứng tên chung đối với diện tích 2.041,6 m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 3.062,4m<sup>2</sup> đất ở và cây lâu năm như trên của mẹ Đặng Thị M3.

- Bà Trịnh Thị Kim P, ông Nguyễn Minh Phước V, bà Nguyễn Thị Thanh T3, ông Nguyễn Minh B, ông Nguyễn Thanh P1 yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Phước Minh T2 có nghĩa vụ chia thừa kế di sản cho ông M diện tích 510.4m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã P, tỉnh An Giang theo quy

định pháp luật. Đề nghị Tòa án Phúc thẩm tỉnh An Giang tiến hành cho đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lại tài sản tranh chấp thừa kế nêu trên, theo giá trị thị trường đang chuyển nhượng tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị Thùy L, bà Nguyễn Thị Bạch T, bà Nguyễn Thị H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia thừa kế được nhận hiện vật theo kỹ phần thừa kế đối với diện tích 3.062,4m<sup>2</sup>.

Bà Trịnh Thị Kim P, ông Nguyễn Minh Phụng V, bà Nguyễn Thị Thanh T3, ông Nguyễn Minh B, ông Nguyễn Thanh P1 yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Phước Minh T2 có nghĩa vụ chia thừa kế di sản cho ông M diện tích 510.4m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, phúc xử: không chấp nhận kháng cáo của các đương giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 tỉnh An Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Các đương sự kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay, một số các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử xét thấy:*

Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông M cùng thống nhất cha mẹ là ông Nguyễn Văn S (chết năm 1997, không để lại di chúc) và bà Đặng Thị M2 (chết năm 2003, không để lại di chúc) có tổng cộng 08 người con chung. Căn cứ quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông S, bà M2 như sau: bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị Bạch T,

bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Phước Minh T2. Do ông M chết năm 2018 là sau thời điểm mở thừa kế nên xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M gồm: bà Trịnh Thị Kim P và các con Nguyễn Minh Phượng V, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Minh B, Nguyễn Thanh P1 được hưởng kỹ phần thừa kế của ông M.

- *Về di sản thừa kế:* Nguồn gốc đất là của ông ngoại Đặng Ngọc P2 cho từ năm 1957 và bà M2 đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01999QSĐĐ/bc ngày 22/9/2004 cả nguyên đơn, bị đơn thống nhất diện tích 3.528,5 m<sup>2</sup> đất ở và đất trồng cây lâu năm khác cùng tọa lạc xã P, tỉnh An Giang là di sản của bà Đặng Thị M2, nhưng khi đo đạc thực tế tại thửa số 24 diện tích đất còn 2.286,9 m<sup>2</sup> thửa số 12 diện tích đất còn 981,7m<sup>2</sup> và được văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh P3 giải thích diện tích đất giảm tại thửa số 12 là do được điều chỉnh trên bản đồ nhưng chưa thực hiện đăng ký biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa số 24 diện tích đất giảm là mức kênh làm đường và được đại diện nguyên đơn, bị đơn đồng ý vì thế HĐXX xác định di sản thừa kế của bà M2 để lại tại thửa số 12 tờ bản đồ số 5 diện tích đất là 981,7m<sup>2</sup> và tại thửa số 24 diện tích đất là 2.286,9m<sup>2</sup> theo hiện trạng đo đạc thực tế.

- Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn:

Các đương sự đều thống nhất cha mẹ là ông Nguyễn Văn S (chết năm 1997) và bà Đặng Thị M2 (chết năm 2003), cha mẹ chết không để lại di chúc, tính đến thời điểm khởi kiện ngày 14/8/2013 thì thời hiệu chia thừa kế vẫn còn theo Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ S, cụ M2 chung sống với nhau có 08 người con gồm: bà Nguyễn Thị H; ông Nguyễn Văn M (chết năm 2018, có vợ bà Trịnh Thị Kim P và các con Nguyễn Minh Phượng V, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Minh B và Nguyễn Thanh P1); bà Nguyễn Thị N (chết năm 2012, không có chồng con); bà Nguyễn Thị Á; bà Nguyễn Thị D (chết năm 2015, không có chồng con); bà Nguyễn Thị Bạch T; bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Phước Minh T2.

Các đương sự đều thống nhất cụ M2 có để lại diện tích đất 3.528,5m<sup>2</sup> đất ở và đất trồng cây lâu năm khác nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01999QSĐĐ/bc ngày 22/9/2004 do UBND huyện P cấp cho cụ Đặng Thị M2 đứng tên, trong đó tờ bản đồ số 05, thửa số 12, diện tích 1.014,1m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 14, thửa số 24, diện tích 2.514,4m<sup>2</sup> nhưng khi đo đạc thực tế tại thửa số 24 diện tích đất còn lại 2.286,9m<sup>2</sup>, thửa số 12 diện tích đất còn lại 981,7m<sup>2</sup> và được văn phòng Đ1 chi nhánh P3 giải thích diện tích đất giảm tại thửa số 12 là do điều chỉnh trên bản đồ nhưng chưa thực hiện đăng ký biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa số 24 diện tích đất giảm là mức kênh làm đường và được đại diện nguyên đơn, bị đơn đồng ý, vì thế xác định di sản thừa kế của bà M2 để lại tại thửa số 12, tờ bản đồ số 5, diện tích đất 981,7m<sup>2</sup> và tại thửa số 24, diện tích đất 2.286,9m<sup>2</sup> theo hiện trạng đo đạc thực tế. Các đương sự thống nhất cụ M2 chết không để lại di chúc nên tài sản của cụ M2 để lại được chia thừa kế theo pháp luật cho 06 người con.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án và sự thỏa thuận này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và

phù hợp với quy định nên cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các bên tại thửa số 12, tờ bản đồ số 5, diện tích đất  $981,7m^2 - 194,3m^2$  (phần đất chuyển nhượng cho bà M1) = còn lại  $787,4m^2$  và tại thửa số 24, diện tích đất  $2.286,9m^2 - 11,9m^2$  (phần mô bà Hồ Thị N2) = còn lại  $2.275m^2$ . Tổng cộng là  $3.062,4m^2$  và các đương sự thống nhất tổng giá trị tài sản là 1.320.000.000 đồng chia làm 06 phần bằng nhau, mỗi kỹ phần trị giá 220.000.000 đồng là có căn cứ.

Bị đơn ông T2 cùng gia đình là người đang sinh sống ổn định trên căn nhà và diện tích đất theo hiện trạng khu đất tranh chấp tại thửa số 12 và tại thửa số 24 có một phần mô của bà Hồ Thị N2, bị đơn ông T2 cũng là người tới lui chăm sóc mô mã. Phía nguyên đơn yêu cầu nhận giá trị và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị Thùy L người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M là bà Trịnh Thị Kim P, Nguyễn Minh Phụng V, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Minh B và Nguyễn Thanh P1 trình bày nếu được chia thừa kế của bà Đặng Thị M2 thì đồng ý giao hiện vật cho bà Nguyễn Thị Bạch T, bà T hoàn lại giá trị kỹ phần họ được nhận, những người này đều có chỗ ở và sinh sống tại nơi khác nên cấp sơ thẩm cho các đương sự được hưởng thừa kế theo giá trị cũng phù hợp với ý chí, nguyện vọng và có lợi cho họ.

Nhằm tạo điều kiện chỗ ở ổn định cho ông T2 cùng gia đình và phù hợp với quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 13/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh A quy định diện tích tối thiểu để tách thửa đất tại thị trấn đối với đất ở là  $40m^2$ , đất nông nghiệp  $500m^2$ . Cấp sơ thẩm giao di sản thừa kế diện tích  $3.062,4m^2$  cho ông T2 tiếp tục quản lý, sử dụng, ông T2 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỹ phần thừa kế cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Nguyễn Thị Bạch T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị Thùy L mỗi người nhận 220.000.000 đồng và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M: gồm Trịnh Thị Kim P, Nguyễn Minh Phụng V, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Minh B và Nguyễn Thanh P1, mỗi người nhận số tiền 44.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với căn nhà có diện tích  $69m^2$  gắn liền trên đất và góc nhà gỗ  $25,2m^2$  theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 12/8/2022 do ông T2 xây cất và các bên không có tranh chấp nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có cơ sở.

Sau khi xét xử sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu định giá lại tài sản. Tuy nhiên kết quả định giá này chưa có sự thống nhất của bị đơn ông T2 và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng chỉ yêu cầu được nhận hiện vật không nhận giá trị nên không xem xét lại chứng thư định giá mới.

Các ông, bà Nguyễn Thị Bạch T, Nguyễn Thị Thùy L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Á; ông Nguyễn Thanh P1, Nguyễn Minh B, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Minh Phụng V, Trịnh Thị Kim P kháng cáo nhưng không cung cấp được, tình tiết hay chứng cứ nào mới nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà Nguyễn Thị Bạch T, Nguyễn Thị Thùy L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Á; ông Nguyễn Thanh P1, Nguyễn Minh B,

Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Minh Phương V, Trịnh Thị Kim P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng phúc thẩm

Ông Nguyễn Thanh P1, Nguyễn Minh B, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Minh Phương V, Trịnh Thị Kim P phải chịu chi phí tố tụng 20.000.000đ (đã nộp xong).

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Riêng bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Á, bà Trịnh Thị Kim P là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị Thùy L, bà Nguyễn Thị Bạch T, bà Nguyễn Thị H nhận kỷ phần thừa kế theo hiện vật.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Thị Kim P, ông Nguyễn Minh Phương V, bà Nguyễn Thị Thanh T3, ông Nguyễn Minh B, ông Nguyễn Thanh P1 yêu cầu nhận thừa kế hiện vật diện tích 510.4m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã P, tỉnh An Giang.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 22 tháng 07 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1, 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 129, 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn L2 yêu cầu di dời mái che có diện tích 25,2m<sup>2</sup>.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Lê Thị M1, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị Trúc L1 đối với bà Đặng Thị M2 về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M1, bà Nguyễn Thị B1 và bà Nguyễn Thị Trúc L1 đối với đất ở có diện tích 75,7m<sup>2</sup>.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị M2 và bà Lê Thị M1 lập ngày 15/7/2001 đối với diện tích 194,3m<sup>2</sup> đất ở. Bà Lê Thị M1, Nguyễn Thị B1 và bà Nguyễn Thị Trúc L1 được quyền sử dụng 194,3m<sup>2</sup> đất tọa lạc thị trấn P, huyện P(nay là xã P) tỉnh An Giang thuộc thửa 12 tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01999QSĐĐ/bC do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 22/9/2004 cho bà Đặng Thị M2 đứng tên.

Bà Lê Thị M1, Nguyễn Thị B1 và bà Nguyễn Thị Trúc L1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên đối với những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. Đối với các khoản tiền thuế và chi phí phát sinh điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sẽ do bà Lê Thị M1 chịu trách nhiệm nộp

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc chia thừa kế tài sản của bà Đặng Thị M2.

Xác định di sản thừa kế của bà Đặng Thị M2 là 3.062,4m<sup>2</sup> đất ở và đất cây lâu năm tờ bản đồ số 05 thửa số 12 diện tích 787,4m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 14 thửa số 24 diện tích 2.275 m<sup>2</sup> cùng tọa lạc thị trấn P, huyện P, An Giang(nay là xã P, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01999QSĐĐ0/bc ngày 22/9/2004 do bà Đặng Thị M2 đứng tên diện tích 3.062,4m<sup>2</sup>. có Tổng cộng là 3.062,4m<sup>2</sup> tổng giá trị là 1.320.000.000 đồng chia làm 06 phần bằng nhau, mỗi kỹ phần trị giá 220.000.000đồng

Phân chia di sản thừa kế như sau:

Giao ông Nguyễn Phước Minh T2 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 3.062,4m<sup>2</sup> đất ở và đất cây lâu năm của thửa 12 gồm các điểm 23, 24, 21, 22(trừ phần diện tích 194,3 m<sup>2</sup> đã chuyển nhượng cho bà M1 tại các điểm 7, 8, 9, 20) theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 12/8/2022 và thửa 24 gồm các điểm 7, 44, 8, 43, 38, 39, 16, 15, 32, 33(trừ phần diện tích 11, 9m<sup>2</sup> phần mộ bà Hồ Thị N2 tại các điểm 9, 10, 11, 59) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ1 chi nhánh P3 lập ngày 10/9/2015.

*(Các điểm giới hạn diện tích nêu trên được thể hiện tại Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ1 chi nhánh P3 lập ngày 10/9/2015 và ngày 12/8/2022 ).*

Bà Nguyễn Thị Bạch T có nghĩa vụ giao lại lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01999 QSĐĐ/bC do UBND huyện P cấp ngày 22/09/2004 do bà Đặng Thị M2 đứng tên để ông Nguyễn Phước Minh T2 liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh biên động của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật; Đối với các khoản tiền thuế và chi phí phát sinh điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sẽ do ông Nguyễn Phước Minh T2 chịu trách nhiệm nộp

Ông Nguyễn Phước Minh T2 có nghĩa vụ hoàn lại kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Bạch T, bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Thùy L mỗi người nhận số tiền 220.000.000 đồng. Đối với người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông M là bà Trịnh Thị Kim P, Nguyễn Minh Phương V, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Minh B, Nguyễn Thanh P1 mỗi người nhận số tiền 44.000.000 đồng.

6. Về án phí, chi phí tố tụng sơ thẩm:

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng 26.629.168 đồng (đã nộp xong).

Bà Lê Thị M1, bà Nguyễn Thị B1 và chị Nguyễn Thị Trúc L1 cùng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001326 ngày 24/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự, huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự, khu vực 12). Bà M1, bà B1 và bà Trúc L1 còn phải nộp thêm 100.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Á được miễn án phí dân sự sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị Bạch T phải chịu 44.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0004785 ngày 23/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự, khu vực 12) Bà T còn phải nộp thêm 40.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí bà T tự nguyện chịu thay cho bị đơn ông T2, bà Nguyễn Thị Thùy L và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông M gồm bà *Trịnh Thị Kim P, Nguyễn Minh Phương V, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Minh B, Nguyễn Thanh P1*)

7. Án phí và chi phí tố tụng dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Á, bà Trịnh Thị Kim P được miễn án phí dân sự phúc thẩm

- Bà Nguyễn Thị Thùy L, bà Nguyễn Thị Bạch T, ông Nguyễn Minh Phương V, bà Nguyễn Thị Thanh T3, ông Nguyễn Minh B, ông Nguyễn Thanh P1 mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000548, 0000547, 0000560, 20000561, 0000562, 0000563 ngày 07/08/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

Chi phí tố tụng phúc thẩm: Bà Trịnh Thị Kim P, ông Nguyễn Minh Phương V, bà Nguyễn Thị Thanh T3, ông Nguyễn Minh B, ông Nguyễn Thanh P1 phải **chịu 20.000.000đ** (đã thực hiện xong).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND KV 12
- THA-DS tỉnh AG
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Dương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Thu Hằng**